

Số: 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-
BTC-TANDTC-VKSNDTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Bộ luật số 45/2019/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 13/2022/QH15, Luật số 19/2023/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 46/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Căn cứ Luật Phòng chống, chống mua bán người số 53/2024/QH15;

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT/BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân (sau đây gọi là người được giải thích về trợ giúp pháp lý), Thông báo về trợ giúp pháp lý, Thông tin về trợ giúp pháp lý, Biên bản từ chối yêu cầu trợ giúp pháp lý và Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 04A và 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Danh sách, số điện thoại của người thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Nếu vụ việc thuộc trường hợp thụ lý ngay thì Trung tâm, Chi nhánh cử ngay người thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý.

Trường hợp nhận được thông báo, thông tin của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm kiểm tra diện người được trợ giúp pháp lý, cử người thực hiện trợ giúp pháp lý nếu họ là người được trợ giúp pháp lý, thông tin lại cho cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển đến biết nếu họ không thuộc diện được trợ giúp pháp lý hoặc không có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Nếu người được giải thích về trợ giúp pháp cần phiên dịch thì Trung tâm, Chi nhánh đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ, trại giam yêu cầu người phiên dịch.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 như sau:

“a) Khi lấy lời khai lần đầu của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại, người làm chứng, đương sự, tại thời điểm bắt, tạm giữ người, hỏi cung bị can, đương sự nộp đơn trực tiếp tại Tòa án hoặc tại thời điểm gửi thông báo thụ lý vụ án, vụ việc, thông báo thụ lý đơn yêu cầu, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm chuyển Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này cho họ đọc. Trường hợp họ không tự đọc được thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm đọc và giải thích cho họ.

Trường hợp họ tự nhận mình là người được trợ giúp pháp lý hoặc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định họ là người được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật về tố tụng. Việc giải thích được thực hiện kịp thời, đầy đủ, bằng ngôn ngữ dễ hiểu ở các giai đoạn của quá trình tố tụng, trừ trường hợp họ đang được trợ giúp pháp lý;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm đọc, hướng dẫn cụ thể nội dung và điền thông tin vào Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Biên bản giải thích được lưu tại hồ sơ vụ án, vụ việc.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý

Việc thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

Trường hợp người được giải thích về trợ giúp pháp lý là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý hoặc tự nhận mình là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp mẫu Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý để họ làm đơn, trường hợp họ không thể tự mình viết đơn thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng điền giúp thông tin, sau đó đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ.

Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo ngay bằng điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác, đồng thời thông báo bằng văn bản và gửi kèm theo Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý cho Trung tâm, Chi nhánh để thực hiện các quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch này. Việc thông báo được thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này, ghi vào biên bản tố tụng và lưu tại hồ sơ vụ án, vụ việc.

Trường hợp người được giải thích về trợ giúp pháp lý tự nhận mình là người được trợ giúp pháp lý và chưa có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông tin cho Trung tâm, Chi nhánh biết để thực hiện các quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch này. Việc thông tin được thực hiện theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Trường hợp họ từ chối trợ giúp pháp lý (trừ trường hợp chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự) thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập Biên bản từ chối trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này và lưu tại hồ sơ vụ án, vụ việc”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, danh sách, số điện thoại của người thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 10 như sau:

“a) Giải thích, thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này cho phạm nhân thuộc diện được trợ giúp pháp lý đang chấp hành án tại trại giam là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, người bị buộc tội, bị hại hoặc đương sự trong vụ án, vụ việc khác do có hành vi phạm tội, xâm hại hoặc có liên quan đến vụ án, vụ việc trước khi chấp hành án;”.

5. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 như sau:

“Điều 11a. Trách nhiệm báo cáo, thống kê

Hàng năm, Sở Tài chính, Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả triển khai Thông tư liên tịch này cho Sở Tư pháp; Bộ Tư lệnh cấp quân khu và tương đương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội gửi báo cáo kết quả triển khai Thông tư liên tịch này cho Sở Tư pháp (tại địa phương có trụ sở Bộ Tư lệnh) tổng hợp. Việc báo cáo được thực hiện 02 lần/năm: lần 1 từ 01/01 đến 31/10, gồm kết quả triển khai Thông tư liên tịch này và số liệu tổng hợp theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này; lần 2 từ 01/01 đến 31/12, chỉ báo cáo số liệu theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Thời hạn Sở Tư pháp nhận báo cáo lần 01 là ngày 05/11; nhận báo cáo lần 02 là ngày 10/01 năm sau.

Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai Thông tư liên tịch này gửi Bộ Tư pháp theo Mẫu số 06A, 06B và Mẫu số 06C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Thời hạn nhận báo cáo lần 01 là ngày 20/11; nhận báo cáo lần 02 là ngày 20/01 năm sau”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Trách nhiệm thực hiện

Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Công an, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Bộ Tư lệnh cấp quân khu và tương đương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có trách nhiệm:

1. Quán triệt, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra các đơn vị có liên quan do mình quản lý thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch này.

2. Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch này.”.

7. Sửa đổi khoản 4 Điều 23 như sau:

“Bộ Tư pháp (Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý) lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phối hợp trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý ở Trung ương (nội dung quy định tại các điểm a, d, đ và g khoản 2 Điều này); Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước) lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phối hợp trợ giúp pháp lý ở địa phương (nội dung quy định tại khoản 2 Điều này) theo quy định hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế một số cụm từ, mẫu và bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều, mẫu của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC

1. Bổ sung cụm từ “và một số cơ quan, tổ chức có liên quan khác” sau cụm từ “người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ, trại giam” tại tên Chương III.

2. Thay thế cụm từ “hoặc phương tiện khác có chứa nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý dạng âm thanh (MP3, WMA hoặc WMV)” bằng cụm từ “hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý” tại khoản 3 Điều 3.

3. Thay thế cụm từ “hoặc USB có chứa nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý dạng âm thanh (MP3, WMA hoặc WMV)” bằng cụm từ “USB hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý” tại điểm b khoản 2 Điều 23.

4. Bỏ cụm từ “Trưởng nhà tạm giữ, Phó Trưởng nhà tạm giữ và người làm nhiệm vụ quản giáo trong nhà tạm giữ” tại khoản 4 Điều 2, bỏ cụm từ “Hộp tin trợ giúp pháp lý; tờ gấp pháp luật” tại điểm a khoản 2 Điều 3 và điểm b khoản 2 Điều 23.

5. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 7.

6. Bãi bỏ Chương V.

7. Bỏ cụm từ và một số điểm, khoản tại Điều 23 như sau:

a) Bỏ cụm từ “cho thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương, địa phương và thành viên Tổ giúp việc cho Hội đồng” tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 23;

b) Bãi bỏ điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 23.

8. Bãi bỏ Điều 24.

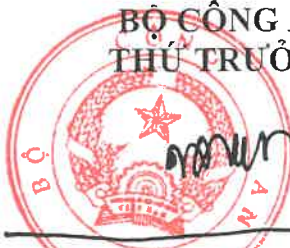
9. Bổ sung Mẫu số 04A.

10. Thay thế các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06A, 06B, 06C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC bằng các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06A, 06B, 06C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Quốc Hùng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Ngọc

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Võ Minh Lương

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Đỗ Thanh Trung

**KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

**KT. VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Hồ Đức Anh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Công an các tỉnh, thành phố;
- TAND, VKSND các tỉnh, thành phố;
- Bộ Tư lệnh quân khu; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, BTP, BCA, BQP, BTC, TANDTC, VKSNDTC;
- Lưu: VT BTP, BCA, BQP, BTC, TANDTC, VKSNDTC, Cục PBGDPL&TGPL-BTP.

SỞ TƯ PHÁP TỈNH/THÀNH PHỐ (1).....
TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THÔNG TIN VỀ QUYỀN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ¹

(Cung cấp cho người được giải thích về trợ giúp pháp lý)

I. Ông/bà thuộc một trong những người được trợ giúp pháp lý sau đây thì được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí (không phải trả tiền) (ông/bà khoanh tròn trước đối tượng mà ông/bà tự nhận):

1. Người có công với cách mạng.
2. Người thuộc hộ nghèo.
3. Trẻ em (người dưới 16 tuổi).
4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
5. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, phạm nhân.
6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.
7. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.
8. Người thuộc hộ cận nghèo hoặc người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;
 - b) Người nhiễm chất độc da cam;
 - c) Người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi trở lên);
 - d) Người khuyết tật;
 - đ) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;
 - g) Người nhiễm HIV.

II. Người được trợ giúp pháp lý có quyền: Tự mình hoặc nhờ người thân thích (bố, mẹ, vợ, chồng, con...) hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý.

III. Để được trợ giúp pháp lý (giúp đỡ về pháp luật), người được trợ giúp pháp lý yêu cầu tổ chức sau thực hiện trợ giúp pháp lý cho mình²:

¹ Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng, người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ, trại giam chuyển cho người được giải thích về trợ giúp pháp lý đọc. Trường hợp họ không tự đọc được thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm đọc và giải thích cho họ. Phiếu Thông tin này được lưu hồ sơ vụ án, vụ việc.

1. Trong vụ án hình sự:

- a) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....
 Địa chỉ trụ sở chính: (2).....
 Điện thoại: (3)Giám đốc: (4).....
 b) Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....³:
 Chi nhánh: (5)
 Địa chỉ trụ sở chính: (2).....
 Điện thoại: (3)Trưởng Chi nhánh: (4).....

2. Trong vụ việc dân sự, hành chính:

- a) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....
 Địa chỉ trụ sở chính: (2).....
 Điện thoại: (3).....Giám đốc: (4).....
 b) Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....³:
 Chi nhánh: (5).....
 Địa chỉ trụ sở chính: (2).....
 Điện thoại: (3)Trưởng Chi nhánh: (4).....
 c) Công ty luật, văn phòng luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật có ký hợp đồng
 thực hiện trợ giúp pháp lý được công bố tại: (6).....
 d) Công ty luật, văn phòng luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật có đăng ký tham
 gia trợ giúp pháp lý được công bố tại: (6).....

Xác nhận của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân là đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển cho Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý để đọc hoặc đọc và giải thích trong trường hợp không tự đọc được.

(7).....

NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THÍCH VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Ký tên, ghi rõ họ và tên hoặc điểm chỉ)

² Trung tâm điền đầy đủ các thông tin nêu tại các ghi chú từ (1) đến (6) trong Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý để người được trợ giúp pháp lý biết, yêu cầu trợ giúp pháp lý.

³ Trường hợp có nhiều Chi nhánh thì phải liệt kê các Chi nhánh với đầy đủ thông tin để người được trợ giúp pháp lý biết và yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm đóng trụ sở;
- (2), (3), (4) Thông tin về Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm: địa chỉ trụ sở chính (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố); số điện thoại tại trụ sở; họ và tên của Giám đốc Trung tâm/Trưởng Chi nhánh;
- (5) Tên đầy đủ của Chi nhánh;
- (6) Nơi công bố danh sách tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý;
- (7) Trường hợp người được thông tin về trợ giúp pháp lý thuộc một trong các đối tượng nêu tại mục 1 Phiếu thông tin này, ví dụ: "Tôi tự nhận mình là người có công với cách mạng".

(1).....
(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (3)...../BB-.....

BIÊN BẢN

Giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí

Hôm nay, vào lúc (4)....., ngày.....tháng.....năm.....tại (5).....

Tôi là: (6)....., chức danh: (7)....., đại diện cho: (2).....

Thực hiện việc giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho ông/bà:
(8)..... số điện thoại: (9).....Cư trú tại: (10).....

Là (11).....trong vụ án/vụ việc (12):.....với các nội dung sau đây:

1. Hỏi: Ông/bà đã đọc hoặc được người có thẩm quyền đọc cho nghe nội dung Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý chưa?

Đáp: *khoanh tròn phương án (a) hoặc (b):*

a) Đã đọc hoặc được đọc và giải thích.

b) Chưa đọc hoặc chưa được đọc và giải thích.

Nếu chưa đọc hoặc chưa được giải thích, đề nghị ông/bà đọc lại Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý. Nếu ông/bà không tự mình đọc được thì tôi giải thích cho ông/bà biết.

2. Ông/bà có thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý không?

Đáp: *khoanh tròn phương án (a) hoặc (b):*

a) Có (ghi rõ đối tượng):.....

b) Không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

3. Ông/bà có yêu cầu trợ giúp pháp lý không?

Đáp: *khoanh tròn phương án (a) hoặc (b):*

a) Có yêu cầu.

b) Chưa có yêu cầu.

4. Các ý kiến khác:.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, người được giải thích giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu hồ sơ vụ án, vụ việc./.

**NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THÍCH VỀ
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên hoặc điểm chỉ)

**CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
TIẾN HÀNH TỐ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,
TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;
- (2) Tên cơ quan ban hành;
- (3) Số, ký hiệu của biên bản;
- (4) Ghi rõ giờ, phút; ngày, tháng, năm lập biên bản;
- (5) Nơi lập biên bản;
- (6), (7) Ghi rõ họ và tên, chức danh của người lập biên bản;
- (8) Ghi rõ họ và tên người được giải thích về trợ giúp pháp lý;
- (9) Ghi rõ tư cách tham gia tố tụng là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại hoặc đương sự;
- (10) Ghi rõ địa chỉ của người được giải thích về trợ giúp pháp lý (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);
- (11) Ghi rõ người được giải thích về trợ giúp pháp lý là người thuộc đối tượng nào sau đây: người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân.
- (12) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Mẫu số 03. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

(1).....
(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (3)...../TB-.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

THÔNG BÁO VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Kính gửi: (4).....
Căn cứ vào (5).....,(2).....thông báo và đề nghị (4).....cử người thực hiện trợ giúp pháp lý cho (6).....
Họ và tên: (7).....
Ngày, tháng, năm sinh: (8).....
Nơi cư trú: (9).....
Số căn cước/mã định danh:.....
Số điện thoại:
Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
Thuộc diện trợ giúp pháp lý: (10).....
Đề nghị trợ giúp pháp lý ở giai đoạn:

- ☐ Giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố
- ☐ Điều tra
- ☐ Truy tố
- ☐ Xét xử
- ☐ Cho đến khi vụ việc kết thúc

Thuộc vụ án, vụ việc (11):.....
.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, vụ việc,.....

CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
TIẾN HÀNH TỔ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,
TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;
- (2) Tên cơ quan ban hành;
- (3) Số, ký hiệu văn bản;
- (4) Ghi đầy đủ tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh của Trung tâm;
- (5) Trường hợp án chỉ định bảo chữa thì ghi rõ căn cứ là biên bản tố tụng (số, ngày lập, cơ quan lập); các trường hợp còn lại trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính ghi rõ căn cứ là Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý và Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí của người được giải thích về trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này (số, ngày lập, cơ quan lập);
- (6) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân. Trường hợp có nhiều người được giải thích về trợ giúp pháp lý theo danh sách kèm theo (có các nội dung: họ và tên; ngày/tháng/năm sinh; nơi cư trú; thuộc diện được trợ giúp pháp lý; là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân);
- (7), (8), (9) Ghi rõ thông tin của người được giải thích về trợ giúp pháp lý: họ và tên; ngày/tháng/năm sinh; nơi cư trú ghi rõ là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);
- (10) Ghi rõ thuộc diện được trợ giúp pháp lý nào trong Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, ví dụ: người có công với cách mạng;
- (11) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Mẫu số 04. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

(1)..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(2)..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: (3)...../TT-....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG TIN VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Kính gửi: (4).....
Căn cứ vào (5)....., (2)..... thông tin để (4)..... kiểm tra thông tin về người được trợ giúp pháp lý đối với (6).....
Họ và tên: (7).....
Số điện thoại:.....
Số căn cước/mã định danh:.....
Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
Nơi cư trú: (8).....
.....
.....
Là (9)..... (10) trong vụ án/vụ việc:.....

Nơi nhận:
- Như trên;
-;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, vụ việc,.....

**CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
TIẾN HÀNH TỔ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,
TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI**
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;
(2) Tên cơ quan ban hành;
(3) Số, ký hiệu văn bản;
(4) Ghi đầy đủ tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố hoặc Chi nhánh của Trung tâm;
(5) Ghi rõ căn cứ là Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý và Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí (số, ngày lập, cơ quan lập);
(6) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân;
(7), (8) Ghi rõ thông tin của người được giải thích về trợ giúp pháp lý: họ và tên; nơi cư trú ghi rõ là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);
(9) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân;
(10) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

(1).....
(2).....

Số: (3)...../BBTC-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Từ chối trợ giúp pháp lý

Hôm nay, vào lúc (4)....., ngày.....tháng.....năm.....tại (5).....

Tôi là: (6)....., chức danh: (7)....., đơn vị công tác: (2).....

Thực hiện việc giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho ông/bà:

(8)..... số điện thoại:Cư trú tại: (10).....

.....
Là (9).....(11) trong vụ án/vụ việc:.....

Sau khi được giải thích, ông/bà (8).....vẫn tự nguyện từ chối quyền được trợ giúp pháp lý.

Biên bản này được lập thành 03 bản, người từ chối trợ giúp pháp lý giữ 01 (một) bản, người thực hiện trợ giúp pháp lý giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu hồ sơ vụ án, vụ việc./.

**NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THÍCH VỀ
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên hoặc điểm chỉ)

**CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
TIẾN HÀNH TỔ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,
TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;

(2) Tên cơ quan ban hành;

(3) Số, ký hiệu của biên bản;

(4) Ghi rõ giờ, phút; ngày, tháng, năm lập biên bản;

(5) Nơi lập biên bản;

(6), (7) Ghi rõ họ và tên, chức danh của người lập biên bản;

(8) Ghi rõ họ và tên người được giải thích về trợ giúp pháp lý;

(9) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân;

(10) Ghi rõ địa chỉ của người được giải thích về trợ giúp pháp lý (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);

(11) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Mẫu số 05. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

.....(1)

.....(2)

SỔ THEO DÕI

VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TÙNG

Lĩnh vực:.....(3)

Năm:.....(4)

STT	Thủ lý hồ sơ (Số, ngày/tháng/năm)	Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân (Họ và tên, tuổi, địa chỉ)	Thuộc đối tượng là người được trợ giúp pháp lý ¹		
			Không yêu cầu trợ giúp pháp lý (5)	Được trợ giúp pháp lý	
				Thuộc trường hợp chỉ định bảo chữa (6)	Có yêu cầu trợ giúp pháp lý (7)
1	2	3	4	5	6
Tổng số:					

Chú:

Việc báo cáo kết quả triển khai được thực hiện 02 lần/năm: lần 1 từ 01/01 đến 31/10, gồm kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC và số liệu tổng hợp theo Mẫu số 05; lần 2 từ 01/01 đến 31/12, chỉ báo cáo số liệu theo Mẫu số 05.

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan lập số;
- (2) Tên cơ quan lập số;
- (3) Lĩnh vực: ghi rõ là hình sự hoặc dân sự, hành chính;
- (4) Ghi rõ năm lập số;
- (5), (6), (7) Đánh dấu x vào cột 4, cột 5 hoặc cột 6.

¹ Các cơ quan thống kê vào Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong tổ tụng sau khi nhận được quyết định cử người thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc thông tin từ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Mẫu số 06A. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....(1)

SỞ TƯ PHÁP

Số:.....(2)/BC-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO¹

Kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC trên địa bàn tỉnh/thành phố.....(1)

Năm:.....(3)

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

.....
.....

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

.....
.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....

IV. PHƯƠNG HƯỚNG

.....
.....

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Hội đồng PHPBGDPL cấp tỉnh;
-;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa danh tỉnh/thành phố;
- (2) Số văn bản;
- (3) Thời gian theo năm.

¹ Sở Tư pháp thực hiện báo cáo lần 1 gồm báo cáo nội dung kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC và số liệu được lấy từ ngày 01/01 đến ngày 31/10 hàng năm.

Mẫu số 06B. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-
BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....(1)
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC BÁO CÁO SỐ LIỆU NĂM¹.....(2)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số... /BC-STP ngày... tháng... năm... của ...)

I. KẾT QUẢ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG

STT	Người thực hiện trợ giúp pháp lý	Tổng số vụ việc TGPL (3)	Các lĩnh vực trợ giúp pháp lý				Vụ việc thuộc án chỉ định bào chữa (4)
			Hình sự		Dân sự	Hành chính	
			Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp	Bào chữa			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Trợ giúp viên pháp lý						
	Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm						
	Luật sư của tổ chức tham gia TGPL						
Tổng số vụ việc (5)							

¹ Sở Tư pháp thực hiện báo cáo lần 1 gồm báo cáo nội dung kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC và số liệu được lấy từ ngày 01/01 đến ngày 31/10 hàng năm.

II. KẾT QUẢ LƯỢT NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ NGƯỜI THUỘC DIỆN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG¹

Phân theo cơ quan, tổ chức chuyển đến	Tổng số người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong vụ án, vụ việc do các cơ quan thụ lý, tiếp nhận		Tổng số lượt người được TGPL (6)	Phân theo diện người được trợ giúp pháp lý										Người có khó khăn về tài chính					Người được TGPL thuộc chỉ định bảo chữa (7)		
				Tổng số	Trong đó người thuộc diện được trợ giúp pháp lý	Người có công với cách mạng	Người thuộc hộ nghèo	Người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Người vừa thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Trẻ em	Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, phạm nhân	Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo	Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người	Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ	Người nhiễm chất độc da cam	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình		Người nhiễm HIV	
A(8)				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Người được trợ giúp pháp lý, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý từ cơ quan phối hợp																				
I	Công an																				
1.1	Cơ quan điều tra, trại tạm giam, cơ sở giam giữ																				
1.2	Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra																				
1.3	Trại giam																				
2	Tòa án nhân dân																				

¹ Phương pháp tính lượt người được trợ giúp pháp lý và người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định về thống kê của Bộ Tư pháp.

[illegible]

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

- (Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

.....

- Lum: VT,.....

Ghi chú:

- (1) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

- (2) Thời gian theo năm;

- (3) Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý = cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7;

- (4) Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc án chỉ định bảo chữa có thể trùng với một trong các vụ việc trợ giúp pháp lý từ cột 4 đến cột 7;

- (5) Tổng số vụ việc (từ cột 3 đến cột 8) = mục 1 + mục 2 + mục 3;

- (6) Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý (cột 3) = tổng các cột từ cột 4 đến cột 17;

- (7) Đối tượng thuộc cột 18 có thể trùng với đối tượng từ cột 4 đến cột 17;

- (8) Cột A:

- Mục I = mục 1 + mục 2 + mục 3 + mục 4;

- Mục I = mục 1.1 + mục 1.2 + mục 1.3;

- Tổng số = tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng theo quy định về thống kê của Bộ Tư pháp.

Mẫu số 06C. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-
BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....(1)

SỞ TƯ PHÁP

Số:.....(2)/BC-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO SỐ LIỆU NĂM¹.....(3) (CHÍNH THỨC)

I. KẾT QUẢ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG

STT	Người thực hiện trợ giúp pháp lý	Tổng số vụ việc TGPL (3)	Các lĩnh vực trợ giúp pháp lý				Vụ việc thuộc án chỉ định bào chữa (4)
			Hình sự		Dân sự	Hành chính	
			Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp	Bào chữa			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Trợ giúp viên pháp lý						
	Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm						
	Luật sư của tổ chức tham gia TGPL						
Tổng số vụ việc (5)							

¹ Sở Tư pháp thực hiện báo cáo lần 02 với số liệu được lấy từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

